

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA-TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Ngọc Bột
- Bà Lý Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tr T T T, sinh năm: 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Thạnh Trị, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Ng T T, sinh năm: 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Bắc, xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà T có mặt, Ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn, Bà Tr T T T trình bày:

Bà T và Ông T quen biết và lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn năm 2020.

Buổi đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã.

Bà T nhận thấy cuộc hôn nhân giữa bà và Ông T ngày càng vô nghĩa, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai vợ chồng đã không còn đạt được.

Nay Bà Tr T T T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa giải quyết vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr T T T xin được ly hôn với Ông Ng T T.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Ng H V, sinh ngày 13/8/2023. Khi ly hôn Bà T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn, Ông Ng T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đến để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập đến phiên tòa xét xử nhưng Ông T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn Ông Ng T T đã được tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt Ông Ng T T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Tr T T T và Ông Ng T T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, đúng với quy định của Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà Tr T T T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Ng T T, do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho Bà T và Ông T tìm biện pháp

để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nhưng Ông T vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Bà T. Hơn nữa, Bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với Ông T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án khÔng T thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và Ông T đã trầm trọng, đời sống chung hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Tr T T T đối với Ông Ng T T.

[2.2] Về con chung: Bà Tr T T T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Ng H V, sinh ngày 13/8/2023. Khi ly hôn Bà T yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, con chung đang sống với Bà T, được Bà T chăm sóc và có cuộc sống ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*. Hội đồng xét xử giao cho Bà Tr T T T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy Bà Tr T T T tự nguyện không yêu cầu Ông Ng T T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Bà Tr T T T, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr T T T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Tr T T T đối với bị đơn Ông Ng T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Tr T T T được ly hôn với Ông Ng T T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Ng H V, sinh ngày 13/8/2023. Bà Tr T T T được quyền nuôi con chung, Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr T T T xác định không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Tr T T T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002973, ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi

